

HƯỚNG DẪN

Danh mục giống cây trồng sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi năm 2019

Căn cứ Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 28/3/2016 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc “Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Lâm Đồng”.

Căn cứ Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT, ngày 26/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành Quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm;

Căn cứ các Quyết định, Thông tư của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành danh mục và bổ sung danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam;

Trên cơ sở đề xuất của các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan và thực tế sản xuất tại địa phương.

Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Lâm Đồng Hướng dẫn danh mục giống cây trồng sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi năm 2019 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Nội dung hướng dẫn

1. Danh mục giống cây trồng xuất, kinh doanh và chuyển đổi, bao gồm:

Các giống có trong danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ban hành tại các Quyết định, Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Các giống được cấp phép nhập khẩu và được cấp giấy phép kiểm dịch thực vật.

Các giống đã được Sở Nông nghiệp & PTNT các tỉnh, thành bình tuyến công nhận nguồn giống.

Các giống triển vọng ở địa phương đã được Hội đồng khoa học cơ sở của Sở Nông nghiệp và PTNT đánh giá, xét tuyển.

Các loại giống cây trồng mới, cây đặc sản có ưu thế vượt trội, các cây trồng chủ lực qua thực tế sản xuất tại địa phương được đánh giá có năng suất, chất lượng cao đang được nông dân sử dụng rộng rãi.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Yêu cầu về giống

- Tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng nông nghiệp phải là các giống mới, giống có năng suất cao, chất lượng tốt, giống cây trồng được xác định có nguồn gen quý hiếm cần lưu giữ,... Các loại giống cây trồng (hạt giống, cây giống, hom giống,

củ giống, ngọn giống) khi đưa vào sử dụng phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng giống cây trồng theo quy định.

- Tiêu chuẩn hạt giống phải được các cơ quan chức năng kiểm định và phải đáp ứng Chất lượng của hạt giống theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia do Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành.

- Tiêu chuẩn cây giống xuất vườn phải đạt tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 02 và 03/2011/QĐ-UBND ngày 25/01/2011 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

2.2. Đơn vị cung ứng giống

- Các đơn vị sản xuất, kinh doanh giống cây trồng trong và ngoài tỉnh có chức năng sản xuất, kinh doanh giống cây trồng; các cơ sở đã thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng cây giống xuất vườn ươm được Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Lâm Đồng; Chi cục Trồng trọt & BVTV Lâm Đồng ra văn bản Thông báo tiếp nhận công bố TCCL theo quy định.

- Đối với giống cây trồng chính như lúa, ngô, đậu tương, lạc,... phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng theo quy định.

- Các giống địa phương tự sản xuất để giống (chỉ phục vụ tại địa phương): cà rốt, đậu các loại, atiso... được đóng gói, ghi nhãn theo quy định.

2.3. Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật

a) Định mức kỹ thuật áp dụng

- Các quy trình canh tác cây trồng đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT, Cục Trồng trọt ban hành, ban hành tạm thời.

- Các quy trình canh tác cây trồng, các hướng dẫn đã được Sở Nông nghiệp & PTNT ban hành, ban hành tạm thời.

b) Đối với các giống cây trồng mới

Những loại cây trồng chưa có quy trình kỹ thuật, hoặc quy trình kỹ thuật không còn phù hợp thì các địa phương đề nghị Sở Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn định mức kỹ thuật tạm thời để triển khai thực hiện.

Đối với các giống cây trồng đang trong thời gian khảo nghiệm, sản xuất thử nhưng được đánh giá năng suất cao cần có báo cáo và nhận xét kết quả của đơn vị, xác nhận của Phòng Nông nghiệp & PTNT, Phòng Kinh tế địa phương; kiểm tra của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và đề nghị Sở Nông nghiệp & PTNT cho phép sản xuất mở rộng.

II. Danh mục giống cây trồng

1. Các giống sản xuất tại địa phương có tên trong Danh mục giống cây trồng được Bộ Nông nghiệp & PTNT cho phép sản xuất, kinh doanh chính thức tại Việt Nam.

STT	Giống	Tên giống
1	Giống lúa	
1.1	Giống lúa lai	Nhị ưu 838, PAC 807, Nhị ưu 725, TH3-3, Nông ưu 28

		(CV1), TH3-4, B-TE 1, CNR36, CT16, Xuyên Hương 178, Hương ưu 3068, PHB71, LTh31, HDT10.
1.2	Giống thuần lúa	Đài thơm 8, AS996, IR64, IR 44595, MTL110, MTL15, MTL141, MTL250; OMCS2000, OMCS94, OMCS 95-5, Jasmine 85, Khang dân 18, PC6, OM2517, OM3536, VND 95-20, OM4900, OM4059, OM6073, OM6916, OM6677, OM4218, OM6162, OM5451, OM7347, OM6976, VD 20, Q5, IR 64, OM576, Bắc thơm 9, Sơn Lâm 2, SV181, Đài thơm 8, LH12, Chế biến 3988
1.3	Giống lúa nếp	Nếp Bè, Nếp cái hoa vàng, TK 90, ĐT 52, Nếp dầu hương, Nếp Lý, Nếp rần; nếp quýt
2	Giống ngô	
2.1	Giống ngô lai	NK 54, Bioseed 9698, Bioseed 9681, Bioseed 9797, C919, CP989, CP 333, CP888, CP555, CPA88, ĐK 6919, CP 501, LVN 146, LVN 145, LVN 4, LVN10, LVN14, G - 49, NK 67, SSC 2095; MN-1, 8639C, PAC558, PAC669, AVA3668, NK6639, NK6410, Pioneer brand P4181, VN5885, SK100, P2P, B528, Pioneer brand P4311, C.P.512, Pioneer brand P4554
2.2	Ngô nếp	Nù N-1, nếp lai HN88, nếp lai Wax50, MX10, Wax 50, HN 68; Fancy 172, nếp lai VH686
2.3	Ngô đường	Sugar 75, Golden Sweetter 93
3	Khoai tây	Atlantic, PO3, FL2215, FL2027, Doobak, Markies, Rosagolds
4	Khoai mỳ	KM 94, KM 60, NA1, KM 140
5	Khoai sọ	KS4
6	Đậu tương	AK 02, HL203, DT2001, AGS 346, ĐVN-9, ĐT26; DT2008
7	Đậu xanh	T 135, V123, VN 99-3, VN 93-1, KP11...
8	Lạc (đậu phụng)	HL25, V79, VD2, VD1, L18, L23
9	Vùng (Mè)	V6
10	Khoai lang	Hoàng Long, K 4, KB1, HL4, KL 5, K51
11	Giống rau	
11.1	Họ thập tự	- Cải bắp: Cải bắp xanh (Green Nova, Shotgun), cải bắp tím (VL-186F1), cải Coronet, cải bắp tím (cape horn) - Cải bông: Cải bông trắng, xanh các loại. - Các loại cải: Cải thảo, su hào, cải làn, cải xanh, cải thìa, cải củ, cải hoa ngồng, cải ngọt TG1, cải bẹ xanh mỡ, cải củ số 8, 9 và các loại cải khác.
11.2	Họ cà	- Cà tím, cà pháo, cà bát - Ớt ngọt, ớt cay 01, ớt sừng trâu, ớt HP9 - Cà chua trái lớn các loại
11.3	Họ bầu bí	- Bí xanh số 1, bí ngô, bí xanh (bí đao), mướp ta, mướp

		đắng, dưa gang, susu, bầu. - Dưa chuột: Phú Thịnh, H1, Dưa chuột sao xanh, CV5, PC4.
11.4	Họ đậu	Đậu Hà Lan Đài Trung 12, CPX 58, EG 623, Cô ve leo TL 1, đậu cô ve lùn
11.5	Họ hoa tán	Cà rốt, cần tây, cần ta, mùi ta (ngò rí), mùi tàu (ngò gai), thì là, rau má
11.6	Họ cúc	Rau diếp, xà lách, cải cúc, atisô, ngải cứu
11.7	Họ bìm bìm	Rau muống, rau ngổ
11.8	Họ hoa muối	Củ cải đường, spinach (bó xôi)
11.9	Họ rau dền	Rau dền các loại
11.10	Họ mồng tơi	Hoa trắng, hoa tím
11.11	Họ hoa môi	Húng chanh, húng quế (húng chó), húng láng, tía tô, bạc hà, kinh giới, hương nhu tía, ích mẫu và rau gia vị khác
11.12	Họ gừng	Gừng, nghệ, riềng
11.13	Họ rau răm	Rau răm
11.14	Nấm	Nấm sò chủng F, Nấm rơm V115, nấm mộc nhĩ chủng A Nấm linh chi DT, giống nấm mỡ chịu nhiệt A 2
11.15	Họ hành, tỏi	Giống măng tây; Hành ta, hẹ lá to, hẹ lá nhỏ
12	Giống hoa	Các loại hoa cắm chướng, hoa hồng, hoa cúc, hoa layon, hoa cát tường, đồng tiền, lily, địa lan, hồ điệp, vũ nữ và cây trang trí các loại
13	Giống mía	Các giống từ ROC1 đến ROC23, ROC26, VN 84-1437, VN 84-422, VN 85-1427, K95-156
14	Giống cà phê	TR4, TR5, TR6, TR7, TR8, TR9, TR11, TR 12, TR 13, và Catimor, cà phê chè TN1, TN2, TRS1
15	Giống chè	LDP1, PH1, LDP2, Chè Shan LĐ97, Kim Tuyên, Thúy Ngọc, TB14;
16	Giống dâu tằm	VH9, VA-201, Tam bội 36, Tam bội 28, VH13, bầu đen; VH3
17	Cây cao su	GT1, PB235, LH82/156, LH82/158, LH82/182, PB 255, PB260, PB311, RRIC110, RRIC121, RRIM600, RRIM712, VM515, RRIV4
18	Cây ca cao	TD3, TD5, TD6, TD7, TD8, TD9, TD10, TD14
19	Cây ăn quả	<ul style="list-style-type: none"> - Bưởi : Đoan Hùng, Năm Roi BN 25, Phú Diễn, Phúc Trạch, Da xanh, - Cam: Bó hạ, Sành CS 8, Xã Đoài, Mật không hạt, Bù, BH; Chín muộn V2 - Quýt: Đường Canh, Quýt Sen, Tiều QT 12, Quýt đỏ Bắc Quang, Quýt vàng Bắc Sơn, Quýt chum Bắc Quang, quýt đường Tangelo Orlando - Chôm chôm: CĐN 91, CĐN 131, giống DONA - Dứa (thơm): Cayen, Cayen Chân mộng - Ổi: Giống ổi số 1

		<ul style="list-style-type: none"> - Sầu riêng: Cơm vàng hạt lép, Chín Hóa, DONA - Xoài: CT1 Hòa Lộc, GL 1, GL 2, GL 6, Cát chu CD, C6, Hòa Lộc, xoài tượng - Dưa hấu: lai số 1, An tiêm 95, An tiêm 103 - Chuối: Giống chuối tiêu - Măng cụt: Giống hiện nay đang có trong sản xuất - Lạc tiên (chanh dây): Đài Nông 1 - Bơ: TA1, Booth 7
20	Cây mắc ca	OC, 246, 816, 842, Daddow, 695, 741, 800, 900, 849
21	Giống cỏ cao sản	King grass, VA06, Ghine lá rộng, Bermuda Cruzada, cỏ sao, cỏ Xuzi, Signal, các giống cỏ Paspalum, các giống cỏ lai (Sweet Jumbo, Superdan), CFSH 30, CSSH45, CFPM 101

Ghi chú: các giống có tên trong Danh mục giống cây trồng được Bộ Nông nghiệp cho phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam ban hành kèm theo các Quyết định, Thông tư theo phụ lục 01 đính kèm).

2. Các giống đã được Sở Nông nghiệp &PTNT các tỉnh, thành công nhận và các giống sản xuất, kinh doanh phổ biến trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng:

STT	Giống	Tên giống
1	Khoai tây	07, TK 96.1
2	Khoai lang	Giống HL158, HL491, khoai Nhật, khoai mật và các giống địa phương
3	Rau các loại	
3.1	Họ cà	Giống cà chua Rita, Diva F1, Kiwami F1, Cherry tomato – 08y F1, Beef, Anna, NT2, Katana, cà chua chery các loại; cà tím, ớt cay, ớt ngọt các loại; Magic-S.
3.2	Họ thập tự	Các giống cải bắp, cải thảo T1-13W, TI-07W, cải cầu vồng, cải xoăn
3.3	Họ bầu bí	Bí ngòi lai F1 SG020, dưa leo Green King F1, dưa lưới, mướp đắng, mướp ta, bí đỏ và bí các loại
3.4	Họ hành, tỏi	Paro hành Chidori; hành tây Onion 717 F1; hành tím (Red Star); hành tây Cavalier; Hành Paro Thần nông; tỏi các loại; hành lá các loại.
3.5	Bó xôi	Giống bó xôi Spinach T1-10M F1; bó xôi các loại
3.6	Nấm	Nấm đùi gà, nấm kim châm, túi nấm, bào ngư, linh chi
4	Cây dược liệu, cây đặc sản	<ul style="list-style-type: none"> - Diệp hạ châu, đương quy, đẳng sâm, actiso, đan sâm, sachi, xuyên khung, tam thất, ma hoàng, nghệ đỏ, đinh lăng, lan gấm, đông trùng hạ thảo và các cây dược liệu khác. - Dâu tây: Mỹ đá, Mỹ thơm, Pháp, New Zeland, Akihime, Langbiang 2, Albion.
5	Giống hoa	Sa lem, loa kèn, sống đời, thu hảo đường, cẩm tú cầu, mắt ngọc, lan Dendro, dương xỉ, cây moneslera, Hoa băng

		khuâng, hoa oải hương, cây lười cạp, cây bắt mồi, hoa hạnh phúc, hoa thực dược và cây trang trí các loại khác (Lá đuôi chồn, lá từng nhỏ, lá dương xỉ Pháp, lá dương xỉ rồng, dây nguyệt quế, dương xỉ mềm,...)
6	Cây mắc ca	QN1, A4, A38, 344, 788, A16, A29, 660, 835, 508, 781
7	Giống cà phê	Hữu Thiên, Thiện Trường, TS1, TS2, TS4; TS5, Cà phê vối thực sinh các loại (Robusta). C.CAPHECHETYPICA.68.672.24812.19.01 C.CAPHECHETYPICA.68.672.24812.19.02 C.CAPHECHETYPICA.68.672.24812.19.03 C.CAPHECHETYPICA.68.672.24812.19.04 C.CAPHECHETYPICA.68.672.24812.19.05 C.CAPHECHETYPICA.68.672.24812.19.06 C.CAPHECHETYPICA.68.672.24812.19.07 C.CAPHECHETYPICA.68.672.24812.19.08 C.CAPHECHETYPICA.68.672.24812.19.09 C.CAPHECHEBOURBON.68.672.24862.19.10 C.CAPHECHEBOURBON.68.672.24862.19.11 C.CAPHECHEBOURBON.68.672.24862.19.12 C.CAPHECHEBOURBON.68.672.24862.19.13 C.CAPHECHETYPICA.68.672.24862.19.14
8	Giống chè	Các giống chè Tứ quý, Olong các loại
9	Giống dâu tằm	S7-CB, TBL-03, bầu trắng, bầu đen
10	Giống điều	Giống điều ghép: PN1, AB 29, AB 0508 và các giống địa phương đã được công nhận: C.ĐLĐ065; C.ĐLĐ070; C.ĐLĐ074; C.ĐLĐ075; C.ĐLĐ099; C.ĐLĐ12; C.ĐLĐ09; C.ĐLĐ19; C.ĐLĐ95; C.ĐLĐ98; C.ĐLĐ25; C.ĐLĐ26; C.ĐLĐ076; C.ĐLĐ106; C.ĐLĐ114; C.ĐLĐ110; C.ĐLĐ115; C.ĐLĐ02.
11	Giống tiêu	Tiêu Phú Quốc, tiêu trâu, sẻ lá to, sẻ lá nhỏ, Vĩnh Linh; các giống tiêu đã được Sở Nông nghiệp &PTNT các tỉnh, thành công nhận nguồn giống.
12	Giống cao su	LH 83/85, LH 90/952, LH 83/290
13	Cây ăn quả	- Sầu riêng: Mong thoong, Ri6 và các giống sầu riêng đã được Sở Nông nghiệp &PTNT các tỉnh, thành công nhận nguồn giống. - Cam: Cam Cara cara, cam đường canh, cam Vinh. - Giống bơ ghép: BLĐ056, BLĐ 036, BLĐ 034, Hass, Pinkerton, Zutano, Reed, bơ tứ quý, LambHass. - Hồng ăn trái: Các giống hồng vuông ông Đồng, hồng vuông Tám Hải, hồng trứng lóc, hồng chén, hồng nhật, hồng

		bom. - Chuối: Chuối Laba và các giống chuối đã được Sở Nông nghiệp &PTNT các tỉnh, thành công nhận nguồn giống. - Dứa (thơm): Dứa MD3. - Cây ăn quả khác (xoài, chôm chôm, mận, mít ...): Các giống đã được Sở Nông nghiệp &PTNT các tỉnh, thành công nhận nguồn giống.
--	--	--

Văn bản này thay thế văn bản số 455/HD-SNN ngày 28/3/2018 của Sở Nông nghiệp &PTNT Lâm Đồng về việc Hướng dẫn danh mục giống cây trồng sản xuất và chuyển đổi năm 2018. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Nông nghiệp & PTNT cùng phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Sở KH&ĐT;
- Ban Dân tộc;
- UBND các huyện/Thành phố;
- PNN các huyện/ Phòng KT T.p;
- TTNN các huyện/Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng;
- Phòng Kế hoạch – Tài chính Sở;
- Trung tâm Giống & VTNN Lâm Đồng;
- Các công ty SXKD giống của tỉnh;
- Lưu: VT, TTBVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Sĩ Bích

Phụ lục 01
Các Thông tư, Quyết định của Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành
danh mục giống cây trồng cho phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam

STT	Số QĐ, TT ban hành	Ngày ban hành
1	74/2004/QĐ-BNNPTNT	16/12/2004
2	40/2006/QĐ-BNNPTNT	22/5/2006
3	103/2006/QĐ-BNNPTNT	14/11/2006
4	47/2007/QĐ-BNNPTNT	29/5/2007
5	50/2008/QĐ-BNNPTNT	2/4/2008
6	104/2008/QĐ-BNNPTNT	21/10/2008
7	124/2008/QĐ-BNNPTNT	30/12/2008
8	21/2009/TT-BNNPTNT	24/4/2009
9	40/2009/TT-BNNPTNT	9/7/2009
10	61/2009/TT-BNNPTNT	25/9/2009
11	84/2009/TT-BNNPTNT	29/10/2009
12	11/2010/TT-BNNPTNT	10/3/2010
13	22/2010/TT-BNNPTNT	6/4/2010
14	30/2010/TT-BNNPTNT	11/5/2010
15	34/2010/TT-BNNPTNT	23/6/2010
16	49/2010/TT-BNNPTNT	24/8/2010
17	55/2010/TT-BNNPTNT	28/9/2010
18	65/2010/TT-BNNPTNT	5/11/2010
19	70/2010/TT-BNNPTNT	8/12/2010
20	30/2011/TT-BNNPTNT	20/4/2011
21	41/2011/TT-BNNPTNT	2/6/2011
22	51/2011/TT-BNNPTNT	27/7/2011
23	64/2011/TT-BNNPTNT	4/10/2011
24	2040/QĐ-BNN-TCLN	01/9/2011
25	2039 /QĐ-BNN-TCLN	01/9/2011
26	82/2011/TT-BNNPTNT	8/12/2011
27	09/2012/TT-BNNPTNT	15/02/2012
28	12/2012/TT-BNNPTNT	1/3/2012
29	17/2012/TT-BNNPTNT	18/4/2012
30	21/2012/TT-BNNPTNT	5/6/2012
31	44/2012/TT-BNNPTNT	11/9/2012
32	623/QĐ-TT-CCN	27/12/2012
33	06/2013/TT-BNNPTNT	22/01/2013
34	661/2011/QĐ-TT-CLT	11/11/2011

35	01/2015/TT-BNNPTNT	22/01/2016
36	28/2016/TT-BNNPTNT	27/7/2016
37	4368/2016/QĐ-BNN-TT	26/10/2016
38	346/QĐ-TT-CLT	29/10/2018
39	1464/TT-CLT	29/11/2018
40	1458/TT-CLT	29/01/2018
41	3945/QĐ-BNN-TT	10/10/2018
42	4109/QĐ-BNN-TT	22/10/2018
43	01/2019/TT-BNNPTNT	18/01/2019